

Unit 8: Celebrations

LISTEN AND READ

- celebrate /'selibreit/(v): làm lễ kỷ niệm
+ celebration /,seli'breɪʃn/ (n): lễ kỷ niệm
- Easter /'i:stə(r)/ (n): lễ Phục Sinh
- Lunar New Year: Tết Nguyên Đán
- wedding /'wedɪŋ/ (n): đám cưới
- throughout /θru:'aʊt/ (prep): suốt
- occur (v) = happen / take place: xảy ra, diễn ra
+ occurrence (n): chuyện xảy ra, sự kiện, sự cố
- decorate /'dekəreɪt/ (v): trang trí
+ decoration /,dekə'reɪʃn/ (n): sự trang trí
+ decorative (a): để trang trí
- sticky rice cake: bánh chưng, bánh tét
- be together = gather : tập trung
- apart /ə'pa:t/ (adv): cách xa
- Passover /'pɑ:səʊvə(r)/ (n): Lễ Quá Hải (của người Do thái)
- Jewish /'dʒu:ɪʃ/ (n): người Do thái
- freedom /'fri:dəm/ (n): sự tự do
- slave /slerv/ (n): nô lệ
+ slavery /'sleɪvəri/ (n): sự nô lệ
- as long as: miễn là
- parade /pə'reɪd/ (n): cuộc diễu hành
- colorful /'kʌləfl/ (a): nhiều màu, sặc sỡ
- crowd /kraʊd/(v) : tụ tập
+ crowd (n): đám đông
+ crowded (a): đông đúc

Now complete the table. (Bây giờ, hãy hoàn thành bảng sau.)

Celebrations	When?	Activities	Food	Country
Tet	late Jan/ early Feb			
Pasover	late Mar/ early April			
Easter	late Mar/ early April			

Unit 8: Celebrations

3. Speak (Trang 66-67 SGK Tiếng Anh 9)

- compliment /'kɒmplɪmənt/ (n): lời khen
+ compliment sb on sth: khen ai về việc gì
- well done: Giỏi lắm, làm tốt lắm
- congratulate sb on sth /kən'grætʃuleɪt/: chúc mừng ai về
+ congratulation(n): lời chúc mừng
+ Congratulations! Xin chúc mừng
- the first prize: giải nhất
- contest /'kɒntest/ (n): cuộc thi

- active /'æktiv/ (a): tích cực
+ activist /'æktivɪst/(n): người hoạt động
- charity /'tʃærəti/(n): việc từ thiện
- nominate /'nɒmɪneɪt/ (v): chọn

This is how to give and respond to compliments: Đây là cách để đưa ra lời khen và đáp lại lời khen đó.

Read the following situations with a partner, then give and respond to appropriate compliments. Đọc các tình huống dưới đây với một bạn cùng lớp, sau đó đưa ra những lời khen và đáp lại lời khen đó cho phù hợp.

Example:

a)

Mai: Well done, Trang.

Trang: Thanks.

Gợi ý:

b)

Mother: Let me congratulate you on your cake!

Huyen: Very kind of you, Mum!

c)

Friends: That's an excellent nomination!

Tuan: It's nice of you to say so.

d)

You: That's a great picture!

Hoa: Thanks.

Now think of situations in which you can compliment your friends and get responses

.....

.....